

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 519/2026/DS-PT
Ngày 28 - 8 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 499/2026/TLPT-DS ngày 31-7-2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2026/DS-ST ngày 16-4-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 583/2026/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: số A Lô D, Cư xá T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: ấp A, xã L, thành phố Đ - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt C, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ E, phường N, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 17-11-2025 - Có mặt.

- *Bị đơn:* bà Trần Thị M, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn I, xã K, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đồng Minh H, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 30-01-2026 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ G, phường B, thành phố Đ - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Bích N, sinh năm 2003; địa chỉ: thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Văn bản ủy quyền ngày 17-11-2025 - Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị M có mối quan hệ mua bán nông sản. Đến ngày 02-12-2022, sau khi cân trừ các khoản mua bán giữa hai bên thì bà M còn nợ bà L số tiền 523.707.000 đồng. Sau khi, bà L và bà M chốt cắt giá bán của 40 tấn cà phê, hai bên làm tròn số nợ thành 488.880.000 đồng và ghi giấy xác nhận nợ, hẹn đến ngày 10-02-2023 trả cho bà L. Ngày 10-01-2023, bà M nhắn tin xác nhận đã cắt giá bán của 40 tấn cà phê trên và hai bên không còn mua bán cà phê với nhau nữa nhưng đến nay bà M không trả 488.880.000 đồng cho bà L. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M phải trả cho bà L 488.880.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng (tương ứng 10%/năm) kể từ ngày 11-02-2023 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M cho rằng ngày 13-02-2023 bà L đã lấy 02 tấn tiêu để trừ nợ (“*siết tiêu để trừ nợ*”) thì bà L không đồng ý vì giữa bà L và bà M còn có thỏa thuận mua bán tiêu, không phải nhận tiêu để cân trừ nợ, thực tế hai bên cũng chưa tính toán số lượng, giá tiền. Trường hợp có tranh chấp về việc mua bán tiêu thì bà L sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị M, đại diện theo uỷ quyền bà Đồng Minh H trình bày:

Tháng 11-2022, bà M chốt bán cho bà Nguyễn Thị L 40 tấn cà phê với giá 41.500 đồng/kg, bà L chuyển trước 500.000.000 đồng. Do giá cà phê giảm nên bà L thỏa thuận đền bù chênh lệch giá và trừ vào 500.000.000 đồng, bà còn nợ bà L 488.880.000 đồng. Ngày 10-01-2023, hai bên tiếp tục nhắn tin qua Zalo

xác nhận số tiền còn nợ 488.880.000 đồng. Bà M hẹn 01 tháng sẽ trả nhưng không có tiền để trả.

Ngày 13-02-2023, bà L cho ông Nguyễn Minh T đến cân của bà M 2.185 kg tiêu để trừ nợ ("*siết tiêu để trừ nợ*") nhưng hai bên chưa thống nhất về giá và số tiền cần trừ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà M trả 488.880.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật thì bà M đồng ý nhưng đề nghị bà L tính toán số tiền của 2.185 kg để trừ vào số tiền bà M phải trả. Trường hợp bà L không đồng ý cần trừ thì bà M sẽ khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho bà M 2.185 kg để bà M bán lấy tiền trả cho bà L. Bà M đề xuất trả tiền cho bà L 300.000.000 đồng thì bà M sẽ vay mượn và trả 01 lần cho bà L. Trường hợp bà L không đồng ý thì bà M xin trả số tiền 488.880.000 đồng và tiền lãi phát sinh mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Minh T là bà Trần Thị Bích N trình bày: giữa ông T và bà L có mối quan hệ dì - cháu, đồng thời ông T làm công cho bà L. Về tranh chấp giữa bà L và bà M thì ông T chỉ biết những nội dung sau: bà M chót bán cà phê hoặc tiêu cho bà L, sau đó ông T đến gặp bà M nhận và cân cà phê, tiêu về giao cho bà L. Còn giá tiền mua bán, giao nhận tiền và nợ tiền giữa bà L và bà M cụ thể như thế nào thì ông T không biết. Toàn bộ số lượng cà phê, tiêu ông T đã nhận từ bà M thì ông T đã bàn giao lại cho bà L; ông T không liên quan đến việc mua bán giữa bà L và bà M nên không có yêu cầu gì. Đối với trình bày của bà M cho rằng bà L cho ông T đến lấy 02 tấn tiêu để trừ nợ thì ông T không đồng ý. Vì ông T chỉ đến nhận tiêu theo thỏa thuận giữa bà L và bà M, số lượng tiêu ông T đã nhận theo trình bày của bà M thì không đến 02 tấn tiêu, số liệu cụ thể bà L sẽ cung cấp vì ông T đã bàn giao cho bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2026/DS-ST ngày 16-4-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị L 643.749.036 đồng, trong đó 488.880.000 đồng tiền gốc và 154.869.036 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-4-2026, bị đơn Trần Thị M kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng cần trừ 2.185 kg tiêu và buộc bị đơn thanh toán phần còn lại sau khi cần trừ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới chứng minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đối với số lượng tiêu 2.185 kg bị đơn cho rằng bà Nguyễn Thị L đã nhận, do cấp sơ thẩm chưa giải quyết, các đương sự có quyền yêu cầu bằng vụ kiện khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của bị đơn Trần Thị M nộp trong thời hạn theo quy định của pháp luật, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Xét kháng cáo bị đơn Trần Thị M đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm trừ 2.185 kg tiêu và buộc bị đơn thanh toán phần tiền chênh lệch, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[2.1]. *Về số tiền nợ:* Bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị M có quan hệ mua bán nông sản. Ngày 02-12-2022, bà M lập giấy xác nhận còn nợ 488.880.000 đồng, hẹn đến ngày 10-02-2023 thanh toán. Ngày 10-01-2023, bà M tiếp tục xác nhận qua tin nhắn về việc hai bên đã cắt chốt giao dịch 40 tấn cà phê (*không mua bán nữa*) và xác nhận còn nợ bà L 488.880.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà M thừa nhận khoản nợ này. Do đó, có căn cứ xác định bà M có nghĩa vụ trả cho bà L 488.880.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về số tiền 488.880.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. *Về tiền lãi chậm trả:* Bà Trần Thị M xác nhận thời hạn trả nợ cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 10-02-2023 nhưng không thực hiện. Do đó, kể từ ngày 11-02-2023 bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà L theo quy định của Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp

sơ thẩm buộc bà M trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 11-02-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.3]. Xét kháng cáo đề nghị cản trừ 2.185 kg tiêu của bị đơn, thấy rằng:

Bà Trần Thị M cho rằng ngày 13-02-2023, bà Nguyễn Thị L chỉ đạo ông Nguyễn Minh T đến nhận 2.185 kg tiêu để “siết tiêu trừ nợ”. Tuy nhiên, bà L xác định số tiêu bà M giao là giao dịch khác, hai bên chưa thống nhất về giá và số tiền cản trừ; bà M cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có thỏa thuận dùng số tiêu trên để cản trừ vào khoản nợ 488.880.000 đồng.

Tranh chấp liên quan đến giao dịch mua bán 2.185 kg tiêu do cấp sơ thẩm chưa giải quyết, quyền lợi của các đương sự chưa bị ảnh hưởng nên sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Từ những phân tích trên, thấy rằng bị đơn Trần Thị M kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2026/DS-ST ngày 16-4-2026 của Toà án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2026/DS-ST ngày 16-4-2026 của Toà án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 422; Điều 430; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị L 643.749.036đ (*Sáu trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn không trăm ba mươi sáu đồng*), trong đó 488.880.000đ (*Bốn trăm tám mươi tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền gốc và 154.869.036đ (*Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn không trăm ba mươi sáu đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị M phải chịu 29.749.961đ (*Hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L 13.961.000đ (*Mười ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006207 ngày 22-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009958 ngày 27-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ II);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh